

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: **15/12/2023**

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	6.13%
2	VPB	2,300	5.57%
3	HPG	1,600	5.52%
4	ACB	1,700	4.88%
5	TCB	1,100	4.29%
6	VNM	400	3.49%
7	VIC	600	3.35%
8	VCB	300	3.23%
9	MBB	1,400	3.22%
10	MWG	600	3.18%
11	STB	900	3.11%
12	VHM	600	3.08%
13	MSN	300	2.49%
14	HDB	1,000	2.41%
15	LPB	1,100	2.20%
16	SSI	500	2.04%
17	SSB	700	2.02%
18	SHB	1,400	1.93%
19	EIB	800	1.89%
20	VIB	700	1.69%
21	TPB	700	1.51%

22	CTG	400	1.36%
23	VJC	100	1.34%
24	MSB	800	1.31%
25	FRT	100	1.28%
26	DGC	100	1.21%
27	KBC	300	1.19%
28	KDH	300	1.17%
29	VRE	400	1.17%
30	VND	400	1.09%
31	OCB	600	1.04%
32	VCI	200	1.03%
33	PNJ	100	1.02%
34	GAS	100	0.98%
35	VHC	100	0.94%
36	GMD	100	0.87%
37	GEX	300	0.85%
38	SAB	100	0.80%
39	HSG	300	0.80%
40	KDC	100	0.80%
41	REE	100	0.73%
42	VPI	100	0.70%
43	DXG	300	0.70%
44	PDR	200	0.67%
45	DIG	200	0.64%
46	DGW	100	0.64%
47	VIX	300	0.63%
48	BID	100	0.53%
49	HAG	300	0.51%
50	BVH	100	0.51%
51	NLG	100	0.46%
52	PLX	100	0.44%
53	DPM	100	0.42%
54	DCM	100	0.41%
55	HCM	100	0.39%
56	HDG	100	0.36%
57	PCI	100	0.35%
58	PVD	100	0.35%
59	SBT	200	0.34%
60	PVT	100	0.32%
61	DBC	100	0.32%
62	TCH	200	0.32%
63	VCG	100	0.31%
64	NKG	100	0.29%

51027  
CÔ  
MỘT T  
JAN L  
CHÚN  
I  
SÁ TR

65	POW	200	0.29%
66	GVR	100	0.25%
67	PAN	100	0.25%
68	BCG	200	0.23%
69	HHV	100	0.19%
II.	Tiền/Cash (VND)	19,927,268	

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/  
Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:**

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	784,236,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	804,163,268
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	19,927,268

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:  
Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:  
Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	22,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	41,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	96,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	68,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	18,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	41,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	79,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	57,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	30,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	21,450	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

178  
TY  
IH  
NH VI  
JY ĐA  
KHOA  
.A  
G-T

Dại diện tổ chức/Organization Representative  
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc  
Nguyễn Hồ Nga

